TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2016/LĐST.
Ngày: 06/9/2016
V/v: **đơn phương chấm dứt HĐLĐ**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**
- Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông **Bùi Thanh Trí**.

2/- Ông **Ngô Hoàng Tâm**.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương**, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 06 tháng 9 năm 2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2016/TLST-LĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2016. Về tranh chấp "đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2016/QĐST - DS, ngày 23 tháng 8 năm 2016. Giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông **NGUYỄN XUÂN V,** sinh năm: 1954.

Trú tại: đường Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- ***Bị đơn***: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC C**

Trụ sở: đường T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: Ông **Liêu Thái H** (Giấy ủy quyền ngày 14/7/2016). (Có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC D.**

Trụ sở: đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: Bà **Phan Thị T** (Giấy ủy quyền số 331/UQ-CTN ngày 30/6/2016). Có đơn xin vắng số 335/CTN ngày 01/7/2016.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2016 và Biên bản hòa giải ngày 15/8/2016 thì **ông Nguyễn Xuân V** là nhân viên trực ca Công ty cấp nước C từ năm 1977. Đến năm 2009 Công ty cấp nước C chuyển đổi thành Công ty cổ phần cấp nước C và ông được Công ty cho ký lại Hợp đồng không xác định thời hạn, với hệ số lương cuối cùng 4,2. Vào ngày 31/01/2013 Công ty cổ phần cấp nước C ra Quyết định số 05/QĐNV.CNCR về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông. Tại Quyết định này, Công ty căn cứ vào khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động và Thông báo số 03 ngày 04/12/2012 về việc giảm biên chế. Công ty cho ông nghĩ việc chấm dứt Hợp đồng lao động là nhằm né tránh việc ra quyết định sa thải người lao động trái pháp luật.

Ông đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chế độ cho ông theo Điều 17, Bộ luật lao động, chi trả chế độ mỗi năm làm việc là 1 tháng lương. Công ty phải trả cho ông số tiền 136.437.000 đồng. Nếu không giải quyết theo Điều 17 Bộ luật lao động thì phải hủy quyết định số 05/QĐNV.CNCR ngày 31/01/2013 của Công ty cổ phần Cấp nước C, phải nhận ông lại làm việc, phục hồi mọi quyền lợi, chi trả chế độ cho ông và công khai xin lỗi.

- Tại bản án lao động Sơ thẩm số 04/2014/LĐ-ST ngày 09/7/2014 Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc Công ty cổ phần Cấp nước C phải trả cho ông số tiền 136.437.000 đồng khi án có hiệu lực.

- Tại bản án lao động phúc thẩm số 02/2015/LĐ-PT ngày 04/02/2015 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã giữ y bản án Sơ thẩm.

Sau khi án có hiệu lực, Công ty cổ phần cấp nước C đã 02 lần thi hành án cho ông vào các ngày 08/6/2015 và 01/9/2015 với tổng số tiền là 76.201.000 đồng.

- Ngày 18/02/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định Giám đốc thẩm số 09/2016/LĐ-GĐT **hủy** cả bản án lao động phúc thẩm và bản án lao động sơ thẩm nêu trên.

Nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ kiện, buộc Công ty cổ phần cấp nước C phải trả cho ông số tiền 136.437.000 đồng như trước đây đã yêu cầu.

Đại diện bị đơn ông Liêu Thái H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian làm việc, Hợp đồng lao động đã ký kết và việc chấm dứt hợp đồng

với ông Nguyễn Xuân V. Nhưng do tình hình hoạt động thực tế của công ty cổ phần cấp nước C, cụ thể do sắp xếp lại cơ cấu tổ chức sau khi doanh nghiệp chuyển đổi quyền sở hữu nên có sự chuyển đổi cơ cấu nhân sự, không tiếp tục sử dụng một số lao động và trong đó có ông Nguyễn Xuân V.

Ông V đã cùng với Công ty cổ phần cấp nước C tiến hành việc thanh lý hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật được quy định tại Điều 43 BLLĐ 1994: "Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên, trường hợp đặc biệt, có thể kéo dài nhưng được quá 30 ngày".

Cụ thể là sau khi nhận quyết định thì ông Nguyễn Xuân V đã nhận tiền trợ cấp và cùng công ty chốt sổ bảo hiểm xã hội. Sau đó ông V cũng đã nhận Sổ bảo hiểm xã hội và đến cơ quan Bảo hiểm xã hội để đăng ký nhận bảo hiểm thất nghiệp. Dù số tiền 16.821.000 đồng mà công ty CP cấp nước C đã thanh toán cho ông V là trùng với tiền ông V được hưởng trợ cấp thất nghiệp, tuy nhiên Công ty CP cấp nước C không yêu cầu ông V trả lại số tiền này. Ngoài ra ông V, đại diện cho những người lao động khác cũng đã ký Biên bản thỏa thuận ngày 26/2/2013 về việc thanh toán chế độ trợ cấp và ông V đã nhận đủ. Tất cả sự việc thể hiện sự đồng thuận của ông V trong việc nghỉ việc của ông tại Công ty cổ phần cấp nước C.

Do công ty cổ phần cấp nước C chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Xuân V là đúng quy định của pháp luật về lao động nên không đồng ý với yêu cầu của ông V. Riêng số tiền 72.201.000 đồng mà ông V đã nhận từ Chi cục thi hành án dân sự quận C thì công ty CP cấp nước C **không phản tố** yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này mà công ty sẽ tiến hành khởi kiện đòi lại số tiền trên bằng một vụ án khác.

Người liên quan Công ty Cổ phần cấp nước D trình bày: Ông Nguyễn Xuân V làm việc tại Chi nhánh cấp nước Cái Răng (trực thuộc Công ty cấp nước Cần Thơ) từ năm 1977. Tháng 02 đến năm 2009 Công ty cấp nước Cần Thơ góp vốn bằng giá trị tài sản của Chi nhánh cấp nước C để thành lập Công ty cổ phần cấp nước C đồng thời chuyển toàn bộ người lao động của Chi nhánh (trong đó có ông V) sang làm việc tại Công ty cổ phần. Đến ngày 20/3/2009 ông V ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty cổ phần cấp nước C. Năm 2013, Công ty CP cấp nước C căn cứ Quyết định số 31/QĐ.2012 ngày 16/11/2012 về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức

và Thông báo số 03/TB-CNCR ngày 04/12/2012 về việc cho người lao động nghĩ việc vì giảm biên chế để ban hành Quyết định số 05/QĐNV.CNCR ngày 31/10/2013 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông V. Công ty cổ phần D không phải là chủ thể ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nên không có trách nhiệm chi trả trợ cấp mất việc theo yêu cầu của ông V.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi bị đơn phải trả số tiền 136.437.000 đồng theo chế độ chi trả mỗi năm làm việc là 01 tháng lương qui định tại Điều 17 Bộ luật lao động.

Bị đơn không đồng ý vì Công ty cổ phần cấp nước C chấm dứt hợp đồng lao động với ông V là đúng qui định và đã giải quyết đầy đủ chế độ cho ông V.

Người liên quan có đơn xin vắng mặt.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Các bên thống nhất xác định: Công ty cổ phần cấp nước C có ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với ông Nguyễn Xuân V vào ngày 20/3/2009. Đến năm 2013, Công ty căn cứ Quyết định số 31/QĐ.2012 ngày 16/11/2012 về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và Thông báo số 03/TB-CNCR ngày 04/12/2012 về việc cho người lao động nghĩ việc vì giảm biên chế để ban hành Quyết định số 05/QĐNV.CNCR ngày 31/10/2013 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông V. Xét đây là quan hệ tranh chấp ***Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*** được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 16/11/2012, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty ra Quyết định số 31/QĐ.2012 về việc sắp xếp lại sơ đồ tổ chức; theo Quyết định này thì bộ máy tổ chức Công ty gồm có: Hội đồng Quản trị 05 người, Ban kiểm soát 01 người, Ban Giám đốc 02 người, Khối quản lý kinh doanh 03 người, Khối sản xuất 07 người.

Đồng thời, ngày 04/12/2012, Công ty ra Thông báo số 03/TB.CNCR về việc giảm biên chế, công bố danh sách 11 người lao động sẽ nghỉ việc từ ngày 15/12/2012, trong đó có ông V và đến ngày 21/12/2012 Công ty tiếp tục ra Thông báo số 05/TB-

CNCR-2012 (BL 130) để bổ sung Thông báo số 03/TB.CNCR, nội dung bổ sung căn cứ vào Khoản 3 Điều 38 Bộ luật lao động quy định về trường hợp người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động, mục đích Công ty ra Thông báo số 05 là để giúp người lao động có thời gian sắp xếp, xin việc làm, ổn định cuộc sống. Trong 45 ngày từ ngày Công ty chấm dứt hợp đồng lao động đến ngày 31/01/2013 Công ty vẫn trả lương cho những người có tên trong danh sách nghỉ việc theo quy định pháp luật. Ngày 31/01/2013 (sau 48 ngày, kể từ ngày ra thông báo) Công ty Cổ phần cấp nước C mới ra Quyết định cho ông V nghỉ việc. Ông V có khiếu nại Quyết định này, tuy nhiên ông V chỉ yêu cầu Công ty giải quyết chế độ chính sách mất việc. Ngày 26/02/2013, ông V và Công ty đã ký biên bản thỏa thuận về việc thanh toán chế độ trợ cấp; ông V đã nhận đủ khoản tiền trợ cấp theo thỏa thuận. Điều đó cho thấy ông V đã đồng ý với việc Công ty cho nghĩ việc vì giảm biên chế.

Tại Tờ tường trình ngày 09/7/2014 (BL 28) gửi Tòa án nhân dân quận Cái Răng, bà Hồ Thị Thanh X – Chủ tịch Công đoàn Công ty trình bày: Việc Công ty Cổ phần cấp nước C chấm dứt hợp đồng lao động với ông V trên cơ sở Công ty thay đổi cơ cấu, vì tình hình kinh tế khó khăn, nội dung đã được thông qua Hội đồng quản trị Công ty và toàn thể người lao động vào ngày 06/12/2012 và cuộc họp ngày 12/12/2012 có sự tham gia của Chủ tịch công đoàn cơ sở thành viên công ty với tư cách thư ký.

Đồng thời, tại Biên bản hòa giải ngày 15/8/2016, đại diện Công ty cổ phần cấp nước C trình bày: Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế nên Công ty có thỏa thuận với người lao động về việc chấm dứt hợp đồng và được ông V đồng ý (BL 08). Công ty đã trả chế độ trợ cấp cho thời gian làm việc từ năm 1977 đến hết năm 2008 và ông V cũng đã ký nhận xong. Riêng khoảng thời gian làm việc theo hợp đồng lao động mới từ tháng 03/2009 đến tháng 01/2013 tại Công ty cổ phần Cấp nước C, do Công ty đóng đầy đủ tiền bảo hiểm thất nghiệp cho ông V nên căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Thông tư 39/2009/TT-BLĐTBXH ngày 18/11/2009 thì thời gian người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 không được tính hưởng trợ cấp mất việc làm từ Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã chi thêm ½ tháng lương cho mỗi năm làm việc từ năm 2009 đến năm 2013 cho người lao động, ông V cũng đã nhận xong số tiền 16.821.000 đồng. Công ty cũng không yêu cầu ông V trả lại.

Xét thấy, việc Công ty cổ phần Cấp nước C chấm dứt hợp đồng lao động với ông V là do giảm biên chế nên việc giải quyết quyền lợi của ông V khi nghỉ việc phải căn cứ vào Khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2007 quy định: "Khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động đã làm việc thường xuyên trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức từ một năm trở lên, người sử dụng lao động có trách nhiệm trợ cấp thôi việc, ***cứ mỗi năm làm việc là nửa tháng lương***, cộng với phụ cấp lương, nếu có". Căn cứ vào quy định này, ông V làm việc tại Công ty cấp nước Cần Thơ (là doanh nghiệp Nhà nước) từ năm 1977 đến hết ngày 31/12/2008 là 32 năm, mỗi năm làm việc được hưởng ½ tháng lương, số tiền trợ cấp thôi việc ông V được hưởng là 119.616.000 đồng. (BL 19). Khoảng thời gian làm việc từ ngày 01/01/2009 trở đi, ông V hưởng trợ cấp thất nghiệp. Tuy nhiên, Công ty vẫn thanh toán cho ông V tiền trợ cấp thôi việc trong thời gian này (4,5 năm), số tiền 16.821.000 đồng (BL 19); tổng cộng 136.437.000 đồng như vậy là có lợi cho ông. Ông V yêu cầu Công ty phải thanh toán mỗi năm làm việc bằng 01 tháng lương cho toàn bộ thời gian làm việc từ năm 1977 đến khi nghĩ việc là không có căn cứ. Do Công ty cổ phần cấp nước C chấm dứt hợp đồng lao động với ông V và giải quyết các chế độ khi cho ông nghỉ việc là đúng quy định pháp luật. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền 72.201.000 đồng mà ông V đã nhận từ Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng theo Phiếu chi số PC15/461 ngày 08/6/2015 và số PC15/640 ngày 01/9/2015 thì công ty CP cấp nước C **không phản tố** yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này mà Công ty sẽ tiến hành khởi kiện đòi lại số tiền trên bằng một vụ án khác. Do vậy Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

Về án phí lao động sơ thẩm: do nguyên đơn khởi kiện đòi tiền trợ cấp thôi việc nên được miễn toàn bộ án phí theo Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Căn cứ Điều 32, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 17, Điều 31, Khoản 1 Điều 42, Điều 167 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2007.

- Điều 11, Điều 12 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc quy định mức trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Bộ luật lao động.

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về Án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết 01/2012 ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Nguyễn Xuân V** đòi bị đơn **Công ty cổ phần cấp nước C** phải trả số tiền 136.437.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng) theo chế độ chi trả mỗi năm làm việc là 01 tháng lương qui định tại Điều 17 Bộ luật lao động.

2/ Ông Nguyễn Xuân V được miễn toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Công ty cổ phần cấp nước C được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000915 ngày 25/7/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận C.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa

(Đã ký)

Thái Mỹ Nhung

Nơi nhận:
- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.